

NHẬN THỨC LẠI VỀ LỄ HỘI TỪ GÓC ĐỘ NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

NGUYỄN QUỐC TUẤN*

Về khái niệm tín ngưỡng và tôn giáo

Không phải đến bây giờ ta mới có dịp bàn đến chuyện tín ngưỡng, tôn giáo bản địa, vốn vẫn được quen gọi là “tín ngưỡng dân gian”, một tên gọi, theo chúng tôi, không thể tin cậy khi đề cập đến truyền thống tâm linh và hiện trạng thờ cúng như một bộ phận cấu thành văn hóa ở Việt Nam. Đã từ lâu thịnh hành một lối suy nghĩ và nghiên cứu theo nhãn quan và phương pháp luận Tây phương về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Đông phương và Việt Nam. Một cản trở lớn là việc hiểu thế nào cho đúng với truyền thống và thực tiễn của các nước Đông phương, các nước bị gọi là “lạc hậu” trong thế kỷ vừa qua, và có phải các tiêu chuẩn mà các nước Tây phương được xem là “tiến bộ” hơn, có thể áp đặt vào các nước Đông phương? Liệu việc tách bạch hai truyền thống Đông phương và Tây phương có nhất thiết là một giải pháp hay cho việc luận bàn trực tiếp và giải tỏa các hiểu lầm giữa hai thế giới đó hay là làm trầm trọng thêm vấn đề? Dù sao, rất rõ ràng là khi áp dụng các khái niệm Tây phương vào thực tế Việt Nam nói riêng và rộng ra các nước Đông phương nói chung¹, đã gây ra không ít hiểu lầm quá khứ của các dân tộc, thậm chí chệch bại và mai mĩa di sản của người xưa.

Một trong những cách hiểu lầm đó chính là hạ cấp các tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của bản địa, hoặc khi nó tìm cách “sống sót” thì lại bị cái nhìn khắt khe chi phối, để rồi dẫn đến áp lực loại bỏ bất chấp sự tồn tại thực của chúng. Nhưng bức tranh không hoàn toàn xám xịt như thế: trong năm 2007, một quyết định

quan trọng của Quốc hội và Nhà nước Việt Nam là công nhận ngày 10 tháng 3 lịch ta hằng năm, ngày giỗ các vua Hùng, trở thành ngày đại lễ của quốc gia, vốn đã nhiều chục năm bị coi là một hội có tính cách địa phương (Phú Thọ và người tham dự thuộc các tỉnh thành khác một cách tự phát) và thả nổi. Sự kiện đó xuất phát từ truyền thống và di sản văn hóa quốc gia và dân tộc khiến mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước vui mừng khi thấy Nhà nước đã có một sự trở lại với những biểu tượng linh thiêng của dân tộc và quốc gia như phải có.

Vì vậy, một sự xem xét lại các phương diện của tín ngưỡng tôn giáo bản địa sẽ là không thừa để có thể hiểu thêm đời sống tâm linh của dân tộc và có thái độ đúng mực khi hành xử quyền quản trị xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới. Chính vì thế, chúng tôi nghĩ rằng cần có sự minh định các khái niệm trước khi đi vào chủ đề chính.

Trước hết là về khái niệm “niềm tin tôn giáo” (Religious Belief, Croyance Religieuse) hay quen gọi là “tín ngưỡng tôn giáo”, hoặc “tín ngưỡng”.

Phần này xin trình bày suy nghĩ riêng về khái niệm Niềm tin tôn giáo. Trong tiếng Anh, Pháp và ngôn ngữ phương Tây, đôi khi người ta sử dụng belief, croyance mà trong nghĩa trực tiếp là niềm tin, tương tự và đồng nghĩa với tôn giáo. Song trong bài này, chúng tôi muốn minh định rõ hơn bằng tổ hợp từ niềm tin tôn giáo để bàn đến vấn đề. Làm như thế tất nhiên sẽ đụng đến việc sử dụng thuật ngữ đã thành thói quen và trong trường hợp này thì ở nước ta, người ta đã quen dịch là tín ngưỡng. Trong nguyên ngữ Hán, tín ngưỡng là hai từ trong một thể nội dung bao

* Viện trưởng Viện Nghiên cứu tôn giáo



Đua thuyền trong hội Độc Bộ - Ý Yên, Nam Định - Ảnh: Bùi Quang Thanh

gồm tin và ngưỡng mộ (kính trọng)². Nhưng chúng ta cũng thể biện luận rằng tin và ngưỡng mộ có ở bất cứ tình huống nào trong tâm lý con người như ta ngưỡng mộ một cầu thủ bóng đá, một ca sĩ v.v... hay ta phải tin vào đồng tiền thì ta mới dùng nó làm vật trao đổi ngang giá v.v... Do đó, để tránh đi lối hiểu có phần lẫn lộn giữa thuật ngữ nghiên cứu tôn giáo và ngôn ngữ hằng ngày (gồm cả ngôn ngữ báo chí), chúng tôi chưa bàn thuật ngữ “tín ngưỡng tôn giáo” mà muốn đi vào thuật ngữ “niềm tin tôn giáo” trước khi bàn luận thuật ngữ “tín ngưỡng tôn giáo”, rồi “tín ngưỡng tôn giáo bản địa” ở dưới.

Để bót lọc vào cánh rừng rậm của các cách định nghĩa khác nhau³, chúng tôi sử dụng cách định nghĩa có tính chất phổ biến được Wikipedia - từ điển bách khoa thư điện tử, đưa ra. Chúng tôi sử dụng bản Anh ngữ của nó, ở mục Niềm tin tôn giáo để tiện cho việc phối kiểm và đối chiếu ngôn ngữ.

Theo nó thì:

“Niềm tin tôn giáo được quy vào cho đức tin hay tín điều liên quan đến cái siêu nhiên, cái thiêng, hay thần tính. Nó liên quan với sự tồn hữu, thuộc về bản chất và thờ phụng Thượng đế hoặc các vị thần và thần tính gồm trong vũ

trụ và cuộc sống nhân loại. Nó cũng còn liên hệ với các giá trị và thực hành đặt trên cơ sở các lời giáo huấn của vị lãnh tụ tâm linh. Không giống với các hệ thống tin tưởng khác, niềm tin tôn giáo có khuynh hướng được luật hóa. Trong nhiều trường hợp, khi được sử dụng đồng nghĩa với tôn giáo, điều khoản niềm tin tôn giáo sẽ được thừa nhận để quy vào các ý niệm hơn là thực hành”. (Hãy chú ý đoạn cuối nhấn mạnh đến tính chất ý niệm hơn là thực hành của niềm tin tôn giáo).

Tiếp đó, nó lại tiếp tục nêu sự khác nhau giữa niềm tin tôn giáo và các hệ thống niềm tin khác như sau:

“Tôn giáo khi nào cũng bao gồm một hệ thống niềm tin, nhưng không phải tất cả các hệ thống niềm tin đều là tôn giáo. Thần học thường làm đảo lộn tôn giáo. Vì thế thần học luôn luôn không phải là một hệ thống niềm tin. Thông linh tính, thuật ngữ giải quyết về nội dung của linh hồn, thường được xem là một bộ phận của tôn giáo, cũng có thể được tách ra khỏi tôn giáo. Thông linh tính có thể bao gồm cả các thực hành tôn giáo và phi tôn giáo.

Các tín đồ tôn giáo thường phân biệt niềm tin tôn giáo với mê tín dị đoan. Cả mê tín dị

đoan và các tôn giáo cổ truyền đều phi duy vật, không nhìn thế giới tồn tại như chủ thể tuân theo các quy tắc nguyên nhân và kết quả và coi như đó là các lực lượng phi vật chất trong cuộc sống của chúng ta. Cả tôn giáo và mê tín dị đoan cổ tìm ý nghĩa trong các sự kiện ngẫu nhiên và hỗn độn khác. Như thế, đây là một thể liên tục giữa cái làm thành “mê tín dị đoan” và các ý niệm có trong hồn linh giáo” (chú ý trong đoạn này chúng tôi đã sử dụng thuật ngữ hồn linh giáo để chuyển ngữ cụm từ “animistic religions”. Thuật ngữ này trong nghĩa triết học trước đây được dịch là “vạn vật hữu linh”, với danh từ là animism trong tiếng Anh và animisme trong tiếng Pháp. Danh từ này theo nhiều đại từ điển Anh và Pháp được hình thành trên cơ sở một chữ Latin là anima có nghĩa là linh hồn. Chúng tôi đã chuyển ngữ danh từ này thành hồn linh giáo ngay từ năm 1997).

Tiếp sau nữa, nó có một sự đối chiếu tương quan giữa niềm tin tôn giáo và triết học:

“Triết học thi thoảng được gộp chung với tôn giáo từ lúc hai chủ thể này có các vấn đề giống nhau được trình ra. Cả tôn giáo và triết học cùng nhắm đến các vấn đề như sau: Tại sao chúng ta lại hiện hữu? Bản chất của thực tại là gì? Thiện tính là gì? Làm thế nào chúng ta có

thể đối đãi với người khác? Trong cuộc sống điều gì là quan trọng nhất? Tôn giáo thường có các nghi thức đánh dấu các sự kiện quan trọng trong đời người và các thời gian trong năm. Ngược với triết học, tôn giáo có sự phân biệt giữa thiêng và phàm. Các tôn giáo cũng thường có niềm tin vào “cái huyền diệu”. Triết học không có đặc tính này” (Như vậy chúng ta có thể nói lên một điều rằng triết học không thể thay thế cho tôn giáo trong tư duy của con người, mặc dù triết học (ở đây là trường hợp triết học Tây phương) đã đạt đến độ chín muồi về phương pháp luận và nhận thức luận để áp đặt một nhãn quan duy lý về thế giới quan và nhân sinh quan).

Để phân định thành các hình thái niềm tin tôn giáo, chúng ta thấy chúng được phân thành: Nhận ân sủng Thiên Chúa (pluralism): người có niềm tin ân sủng Thiên Chúa không tạo ra sự khác biệt hoàn toàn giữa hệ thống đức tin và nhãn kiến của mỗi một cá nhân trong khuôn khổ của mỗi nền văn hóa riêng biệt. Đại diện cho người có niềm tin này là người Ấn Độ cổ đại (thời kỳ Veda giáo), Do Thái giáo, Kitô giáo và Islam giáo. Họ tin rằng họ nhận được nhiều thánh linh từ Thiên Chúa.

Hỗn hợp: người có niềm tin hỗn hợp nhìn



Hội Gióng - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

nhận các biến thể tôn giáo hoặc truyền thống niềm tin khác nhau thành một thể duy nhất thích hợp với kinh nghiệm và hoàn cảnh sống riêng của họ. Thuyết cứu rỗi nhất thể là một thí dụ của đức tin hỗn hợp.

Cứu rỗi: “Một số người tin rằng tôn giáo không tách rời với các phương diện khác của đời sống, hoặc tin rằng một vài nền văn hóa đã và đang không tách rời các hoạt động tôn giáo và các hoạt động khác trong một con đường như nhau như một số dân tộc thuộc các nền văn hóa phương Tây đang thực hiện. Một số nhà nhân học nghiên cứu văn hóa mà trong đó Thượng đế được thu hút vào mọi phương diện của đời sống - nếu có sự dọa nạt lạnh lùng, Thượng đế là nguyên nhân của nó, còn nếu là sự tốt lành, khi mỗi sáng mặt trời mọc, Thượng đế cũng là nguyên nhân của sự lành, và ta phải biết ơn về điều đó. Thậm chí ngay cả trong các văn hóa Tây phương hiện đại, một số người người tìm thấy các lực lượng siêu nhiên đằng sau các sự kiện... Người có một vũ trụ quan như thế thường nhận định rằng sự chi phối của văn hóa Tây phương là rất độc hại. Họ nghĩ rằng ở Hoa Kỳ, ở một cách cụ thể, mọi người đến nhà thờ vào ngày chủ nhật và lựa bịp hàng xóm của họ các ngày còn lại trong tuần. Một số người khác của vũ trụ quan kiểu này phản đối ảnh hưởng của khoa học và tin rằng khoa học, hay “cái gọi là khoa học” sẽ được dẫn dắt bằng tôn giáo. Cũng người thuộc vũ trụ quan này tin rằng các quyết định chính trị và luật pháp sẽ được hướng dẫn của tôn giáo. Loại niềm tin cuối cùng này được thể hiện trong hiến pháp của các quốc gia Islam, và được chia sẻ bởi những người Kitô hữu thuộc phái Chính thống. Như George H.W.Bush (tức Bush cha), ngày 27 tháng 8 năm 1987 nói: “Không tôi không tin những người vô thần cần được xem là các công dân, và họ cũng không thể là những người yêu nước. Đây là một quốc gia nằm dưới Chúa trời”.

Hệ thống hóa: trong Phật giáo, tu tập và tiến bộ trên con đường tâm linh diễn ra khi một người tuân theo hệ thống tu tập của đức Phật. Bất kỳ tôn giáo theo đuổi (một phần) nguyên tắc cơ bản của hệ thống này, tuân theo lời dạy của đức Phật, thì các mặt tốt lành sẽ mở ra để phù hợp với hệ thống này. Bất cứ tôn giáo nào đi ngược lại (một phần) với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống này, sẽ gồm chứa cả các mặt xấu

ác... Hệ thống tu tập đó là Bát chính đạo, Phật nói “...trong bất cứ lời thuyết nào mà không tìm thấy Bát chính đạo, đó không phải là người Sa môn ở bậc thứ nhất, cũng không phải là người Sa môn ở bậc thứ hai, chẳng phải Sa môn ở bậc thứ ba, cũng chẳng phải Sa môn ở bậc thứ tư (A La Hán)”

Wikipedia còn đưa ra các nguyên nhân thuộc thời đại ngày nay về việc thủ đắc niềm tin tôn giáo như sau:

- Kinh nghiệm và cảm xúc
- Kết nối với siêu nhiên
- Phân tích bằng lý trí
- Mẫu mực hành động tốt nhất
- Tiết độ
- Uy quyền
- Hợp nhất đạo lý
- Uy nghi và truyền thống
- Cộng đồng và văn hóa
- Đáp ứng
- Lợi ích tâm linh và tâm lý
- Lợi ích thực tiễn

Tuy nhiên, không chỉ có các lý do đi theo niềm tin tôn giáo, mà ngược lại, còn có các lý do để từ bỏ niềm tin tôn giáo cũng trong thời đại mới:

- Không còn thích hợp
- Có lời thuyết giảng khác
- Sự gia tăng của việc bị đánh đòn, bị sợ hãi và bị ô nhục
- Các tín điều phi lý và khó tin
- Nhiều giới hạn
- Tự cảm
- Gia tăng sự không biết
- v.v
- Sự không biết
- v.v...

Như vậy, lướt qua một số ít kiến thức đã tóm gọn trên đây, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về khái niệm niềm tin tôn giáo:

Thứ nhất, niềm tin tôn giáo có thể phân loại được về mặt lý thuyết, nhưng không có nghĩa sự phân loại đó là để dùng cho việc đánh giá niềm tin này là cao, còn niềm tin kia là thấp.

Thứ hai, niềm tin tôn giáo là tuyệt đối đối với người sở đắc nó. Vì vậy, cũng có thể có những nhận định lệch rằng, niềm tin của tôi là đúng, còn niềm tin khác là mê tín dị đoan. Do vậy, có thể dẫn đến những kỳ thị niềm tin tôn giáo. Tuy nhiên, tính tuyệt đối của niềm tin tôn giáo sẽ

không là vĩnh viễn, vì vẫn có những niềm tin thay thế một khi chủ thể niềm tin đã ở trong hoàn cảnh khác, nhất là trong điều kiện thời đại mới.

Về khái niệm “tín ngưỡng dân gian”

Sau khi đã sơ bộ xem xét niềm tin tôn giáo, cần đi vào khái niệm “tín ngưỡng dân gian”.

Khái niệm tín ngưỡng dân gian đã được lưu hành rất nhiều năm nay ở Việt Nam. Cần phải nói rằng nó được chuyển ngữ từ “croyance populaire”, hoặc “croyance folklorique” trong tiếng Pháp và “folk belief” hay “popular belief” trong tiếng Anh. Trong quá trình nghiên cứu và suy ngẫm chiêm nghiệm, thực sự chúng tôi cho rằng đã có một sự nhầm lẫn đáng tiếc trong việc giải thích nội dung của thuật ngữ này và đã dẫn đến những ngộ nhận trong thực tế cuộc sống.

Có thể bài này chưa đưa ra được câu trả lời trọn vẹn hoàn toàn, nhưng ít nhất tham vọng của chúng tôi là làm sao xác định rõ nội dung của khái niệm “tín ngưỡng dân gian”, theo những hiểu biết và nhận thức lại về nó hiện tại ở nước ta và trong khuôn khổ của người Việt.

Cho đến nay, có thể qui cách hiểu khái niệm này thành hai loại chính lưu hành trong giới nghiên cứu và quản lý:

Thứ nhất, coi tín ngưỡng nói riêng và tín ngưỡng dân gian⁴ là cấp độ thấp hơn tôn giáo, tồn tại một cách độc lập đối với tôn giáo, và thường đi kèm với những định kiến xem nó như một thể không hoàn chỉnh, thường tự phát và theo chiều hướng có “hại” hơn là có “lợi” về mặt xã hội và cần phải được (hoặc) nghiêm cấm hoặc điều chỉnh chặt chẽ; thứ hai, coi tôn giáo không phân biệt với tín ngưỡng, không làm gì có tín ngưỡng tồn tại một cách độc lập, và do đó nên gọi là tôn giáo tắt thảy những biểu hiện tâm linh, sùng bái.

Cách hiểu thứ nhất, theo chúng tôi, với những lý giải kèm theo, không bao quát nổi thực tại, mà thực tại đó là kết quả của một sự liên tục từ trong quá khứ cho đến ngày ở nước ta trong việc thờ cúng và sùng thượng ba hệ thống linh thiêng bao gồm: thờ cúng tổ tiên, thờ cúng siêu nhiên và thờ cúng phồn thực. Kết quả là đã từ khá lâu, chúng ta vô hình trung đã loại bỏ đi tinh túy trong đời sống tâm linh của dân tộc ta, đẩy xuống hàng thứ yếu và thậm chí còn có ý nghĩ cực đoan là loại bỏ hẳn cái bị gọi là một số biểu hiện “mê tín dị đoan”, trong đó có cả sự thờ

cúng tổ tiên, một di sản văn hóa vô giá của dân tộc Việt và các tộc người ở nước ta. Hậu quả ra sao thì nay đã thấy khá rõ ở một số tộc người miền núi phía Bắc, dãy Trường Sơn và cao nguyên Trung Bộ, khi để các tôn giáo ngoại mới du nhập.

Còn cách hiểu thứ hai cho thấy chịu nhiều ảnh hưởng của lý thuyết phương Tây về khái niệm và chức năng của tôn giáo. Đáng chú ý là lý thuyết mới của phương Tây lại mở ra quá rộng, trùng lặp với cái mà người phương Đông gọi là tâm linh, hay đơn giản hơn là các loại hình thờ cúng hình thành trong lịch sử các nước này. Chính tính biện thuyết chặt chẽ, duy lý của phương Tây, cùng với sự thắng thế của kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã khiến cho ảnh hưởng của cách nhìn tôn giáo, tín ngưỡng tôn giáo và về thế giới tâm linh phương Đông đã bị biến dạng, kết quả là người phương Đông rất mệt mỏi khi cứ chạy theo đuôi lý thuyết phương Tây, ra sức giải thích để tương thích với nhãn quan đó.

Vậy phải chăng có cách hiểu thứ ba? Vâng, có cách hiểu thứ ba ngoài hai cách hiểu trên. Trong khả năng cho phép, xin nêu ra đây suy nghĩ riêng để chúng ta cùng nhau xem xét và suy ngẫm.

Một cách vắn tắt, lý thuyết về tôn giáo học phương Tây đã thịnh hành vào thế kỷ XIX và có thể nói kéo đến giữa thế kỷ XX trên hầu hết các nghiên cứu. Nó xuất phát từ cách mà các tôn giáo lớn và các nhà nước theo các tôn giáo ấy coi các tín tưởng khác là dị đoan và tà đạo, là mê tín. Đây cũng là cách hiểu của chủ nghĩa lấy châu Âu làm trung tâm, hay nói cho chính xác hơn là lấy khuôn mẫu Thiên Chúa giáo làm trung tâm, dẫn đến sự phân biệt Đông - Tây, mà phương Tây luôn luôn là một thực thể văn minh và ngược lại, phương Đông thể hiện cho một sự chậm tiến. Lối suy nghĩ chia cắt giả tạo như vậy đã từng bị bác bỏ bởi tương đối luận văn hóa (cũng của phương Tây đề xuất) mà nội dung cốt lõi là không thể xem văn hóa này hơn kém so với văn hóa khác, trên cơ sở chấp nhận một sự khác biệt, một sự đa dạng trong các biểu hiện văn hóa, bởi vì lịch sử nhân loại vừa diễn ra theo quá trình tiệm tiến, song cũng vừa diễn ra theo quá trình lũy tích và nhảy vọt, cơ may thành tựu văn minh không thể cùng lúc giành cho mọi miền địa lý, mọi dân tộc.

Sau thế chiến thứ hai, khi mà sự thực đã rõ ràng là các quốc gia mới hình thành theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc đã trở thành một thực thể chính trị - xã hội trong đời sống nhân loại, ý thức về sự khác biệt hệ thống xã hội buộc người ta phải xem lại những gì tưởng như đã trở thành vĩnh viễn. Nhu cầu đó đã khiến cho tri thức nhân loại phải xem lại toàn bộ các giá trị có trước, trong đó có tri thức về tôn giáo. Và, người ta đi đến chỗ thừa nhận sự đa dạng văn hóa như một thực tế cần được bảo vệ, mọi giá trị văn hóa cần được lưu giữ mà không phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế, ngược lại là khác, văn hóa lại được coi là động lực cho phát triển kinh tế và xã hội, xem như đó mới là sự phát triển bền vững, các giá trị đồng thời có vai trò như nhau đối với từng nhóm người, tập đoàn người, cộng đồng người và cuối cùng là cho từng dân tộc và toàn thể nhân loại. Người ta cần sống trong bầu không khí của sự khoan hòa (tolérance). Đây là một quan niệm tiên tiến, thành quả nhận thức của nhân loại ở cuối thế kỷ XX và thiên niên kỷ thứ hai. Riêng với tôn giáo, không thể xem tôn giáo này hơn tôn giáo kia, bởi vì tôn giáo cũng là một bộ phận, là một thành tố quan trọng của văn hóa, mà đã là văn hóa thì có giá trị như nhau, như trên đã nói.

Như vậy, khi chúng ta bàn đến khái niệm "tín ngưỡng tôn giáo", "tôn giáo", và rồi cả "tín ngưỡng dân gian", nếu như chấp nhận cách đề xuất của phương Tây rằng, có khái niệm "tôn giáo", thì cần phải theo cách hiểu hiện đại, tức cách hiểu coi tôn giáo là văn hóa. Và do đó, không thể xem tôn giáo này thì hơn tôn giáo khác. Về mặt phương pháp luận, cần có sự khảo sát bản thân khái niệm tôn giáo có những thành phần nào, nó bao quát hiện thực đến phạm vi nào, nó có là biểu hiện của một trong những phương diện tinh thần quan trọng nhất nơi con người và là nhu cầu thường xuyên của con người hay không? Nếu có, ở mỗi dân tộc được biểu hiện thế nào và ở góc độ người quản lý xã hội, chúng ta cần đối xử với nó ra sao?

Nói đến khái niệm, người ta không thể lảng tránh một thực tế, cũng là một khó khăn, là sự định nghĩa nội dung của khái niệm. Có thể nói, trong thực tế, đã có vô số các định nghĩa khác nhau về tôn giáo. Chúng tôi xét thấy không thể nêu lại tất cả, chỉ dẫn ra một số định nghĩa hay

cách xác định tương đương với định nghĩa. Tựu trung, cho đến nay, có thể phân thành hai loại định nghĩa: những định nghĩa theo lối "bản thể" và những định nghĩa theo lối "chức năng". Sau đây là một số định nghĩa cho cả hai loại:

- E. Durkheim: một tôn giáo là một hệ thống cố kết các tín tưởng và các thực hành liên quan đến những thực thể thiêng, tức là những thực thể bị tách riêng, bị cấm đoán, các tín tưởng và thực hành này tạo thành một cộng đồng đạo đức ở tất cả những người tin theo, được gọi là Giáo hội⁵.

- M. Weber: "một loại hành động đặc biệt thành cộng đồng" liên quan đến "các sức mạnh siêu nhiên". Khuôn các mối quan hệ của nó với con người tạo thành lĩnh vực hoạt động "tôn giáo". (Max Weber, *Économie et société*, Plon, Paris, 1971, pp. 429 và 432).

- T. Parsons: một tổng thể các tín tưởng, các thực hành và các thiết chế mà con người triển khai trong các xã hội khác nhau, trong chừng mực mà chúng có thể được hiểu như là những câu trả lời cho các khía cạnh của cuộc sống hay tình trạng của con người mà cuộc sống và tình trạng ấy được xem như không thể hiểu được hay không thể làm chủ được theo tinh thần của tính hợp lý kinh nghiệm-công cụ, và những tín tưởng, thực hành, thiết chế ấy gắn chặt với một đặc trưng bao gồm một số cách thức qui chiếu với một trật tự "siêu nhiên" được tưởng tượng và cảm nhận như là nền tảng về vị trí của con người trong vũ trụ và về các giá trị đưa lại ý nghĩa như mục đích của cá nhân và những mối liên hệ đồng dạng của nó". (Talcott Parsons, *The social system*, Free Press, Glencoe, 1951, p. 2).

- K. Dobbelaere: một hệ thống thống nhất các tín tưởng và thực hành liên quan đến một thực thể siêu-kinh nghiệm, siêu việt, mà thống nhất tất cả những ai tin theo với mục đích tạo thành duy nhất một cộng đồng đạo đức (Karel Dobbelaere, "Secularisation: a Multidimensional Concept", *Current Sociology*, vol. 29, n° 2, 1981, p. 47).

- R. Campiche: toàn bộ tổng thể các tín tưởng và thực hành, ít hay nhiều có tổ chức, liên quan đến một thực thể siêu - kinh nghiệm siêu việt mà thỏa mãn trong một xã hội nào đó một hay nhiều chức năng sau: hội nhập, đồng nhất, giải thích kinh nghiệm tập thể, giải đáp cho

tính chất cấu kết không chắc chắn của cuộc sống cá nhân và xã hội". (Roland Campiche, et al., *Croire en Suisse(s), L'Age d'Homme, Lausanne, 1992, p. 35*).

- M. Yinger: một tổng thể các tín tưởng và thực hành do một nhóm đưa ra để đối mặt với những vấn đề lớn (tối thượng) của cuộc sống con người. Đó chính là sự từ chối đầu hàng cái chết, từ chối tự nhận chịu thua mỗi thất vọng, từ chối cho phép các lực lượng thù địch phá rách các mối liên kết của con người chúng ta (John M. Yinger, *Religion, société, personne, éditions du Centurion, Paris, 1964*).

- N. Bellah: một tổng thể các hình thức biểu trưng và hành động mà gắn con người với những điều kiện tối hậu của tôn tại... (Robert N. Bellah, *Beyond belief, Harper and Row, New York, 1976, p. 21*).

Đây là những định nghĩa và cách xác định của các nhà nghiên cứu phương Tây. Cần phải nói rõ lại một điểm là không một dân tộc nào ở phương Đông cổ và trung đại có một khái niệm "tôn giáo" giống như phương Tây thế kỷ XIX. Từ đó, có thể thấy rằng cái mà chúng ta gọi là "tín ngưỡng dân gian" thực chất là đời sống tâm linh (spirituelle) được tạo thành trong dòng chảy miên viễn của mỗi tộc người và sự ảnh hưởng qua lại giữa chúng với nhau. Nói cách khác, cái mà chúng ta gọi là tín ngưỡng dân gian đó thực ra là tôn giáo, nếu như muốn dùng khái niệm này, dù hiểu theo định nghĩa bản thể hay định nghĩa chức năng. Và đúng hơn cả, cần phải trả lại cho Đông phương cái mà họ tự gọi là tâm linh, thờ phụng như là yếu tố văn hóa không thể thiếu để thay cho việc cứ phải chạy theo Tây phương để luôn tự ti mà phán định chuyện của mình dưới nhãn quan Tây phương và tự làm khổ mình.

Nếu chấp nhận dùng khái niệm tôn giáo, thì qua một số định nghĩa trên đây, chúng ta có thể rút ra vài ba ý cần lưu tâm: thứ nhất, không có sự phân biệt giữa khái niệm tôn giáo và tín ngưỡng, trái lại, các tín ngưỡng lại là một bộ phận cấu thành tôn giáo, tức không có sự tin và thực hành thì không thể có tôn giáo; thứ hai, các tôn giáo chỉ có khi chúng tạo ra một cộng đồng đạo đức ở những người tin theo, tức là chúng tạo ra một sự liên kết ở con người, tạo ra sự cố kết cộng đồng; thứ ba, con người có những phương diện tinh thần cho phép nảy sinh ý thức

tôn giáo, thông qua hiện thực được mệnh danh là những thực thể thiêng, là hiện thực siêu-kinh nghiệm, là cách mà con người giải quyết những vấn đề không thể hiểu được, cách con người thoát ra khỏi những điều kiện sống không thuận, cách mà con người giải quyết những vấn đề tối thượng như cái chết, sự đau khổ, sự bất hạnh; và thứ tư, tôn giáo là một thể của văn hóa, thông qua hệ thống biểu tượng mà nó đã xác lập tính chất văn hóa ấy....

Như vậy, tôn giáo, trong trường hợp đang bàn ở đây được gọi là "tín ngưỡng dân gian" tại Việt Nam, là một hiện tượng đa chức năng. Nhưng ta cũng có thể đặt thêm một câu hỏi liên quan để làm cho rõ thêm: vậy tôn giáo được cấu thành bởi những yếu tố nào? Những kiến giải về cấu tạo tôn giáo của chúng tôi dựa vào những thành tựu đã được kiểm nghiệm và so sánh trong khoảng hai mươi năm trở lại đây. Có thể tóm lược chúng vào trong một sơ đồ như sau:

Tôn giáo = các thực thể thiêng, hiện thực siêu - kinh nghiệm, siêu việt - thần thoại - tín tưởng (cũng gọi là tín ngưỡng) - thực hành (thờ cúng, cầu khẩn, lễ thức (nghi thức và lời khẩn)) - cộng đồng đạo đức (giáo hội và không giáo hội)

Cần minh định một điểm rằng sơ đồ này không trùng khít với một số "tín ngưỡng dân gian" ở nước ta và ngay với cả một tôn giáo lớn là Phật giáo. Đã có nhiều giấy mực để tranh biện về Phật giáo có phải là một tôn giáo hay không, và trong trường hợp chúng ta chấp nhận nó là tôn giáo thì Phật giáo cũng khác với các tôn giáo thần khải.

Với tất cả suy nghĩ trên đây, chúng tôi đề nghị không gọi là "tín ngưỡng dân gian" mà nên gọi là "tín ngưỡng tôn giáo của đại chúng" trong trường hợp chấp nhận thuật ngữ "tín ngưỡng" như một cách dùng quen thuộc trong các ngôn ngữ hành chính và ngôn ngữ giao tiếp. Còn nếu không thì gọi thẳng là "tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên", "tín ngưỡng phồn thực", "tín ngưỡng siêu nhiên"... Và do như một di sản văn hóa, nên chúng (đặc biệt là thờ cúng tổ tiên) sẽ có vị trí tương xứng nhất và là trụ cột trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trở lại, nhìn vào sơ đồ trên đây, chúng tôi nghĩ phải giải thích thêm một chút. Và để rõ hơn nữa, chúng tôi xin trích đoạn sau đây mà chúng

tôi coi là xác đáng và ngắn gọn để giải thích hiện tượng, vai trò và sự cấu thành của tín ngưỡng có tính chất tôn giáo trong xã hội, nhằm làm rõ hơn vấn đề:

“Trong tất cả các xã hội cổ đại, tôn giáo đóng một vai trò quan trọng: chính nhờ các lý do tôn giáo mà những tác phẩm nghệ thuật đầu tiên đã được thực hiện, chính tôn giáo giải thích cho tổ chức xã hội, đời sống gia đình, chính tôn giáo làm thành nhịp điệu cho hoạt động hàng ngày. Không thể tưởng tượng được rằng không thực hành một tôn giáo, và rất hiếm khi các tôn giáo khác nhau cùng tồn tại trong một quốc gia mà lại không gây ra chiến tranh và truy hại. Ngày nay, một số Nhà nước đã chứng tỏ sự khoan hòa: nhiều tôn giáo có thể cùng tồn tại, mỗi người có thể thực hành tôn giáo theo sự lựa chọn của mình hay không thực hành tôn giáo nào. Nhưng cũng có những nước mà ở đó tất cả các đạo luật dựa trên một tôn giáo, và những ai có chính kiến, tín tưởng khác đều bị truy bức”;

Và: “Các tôn giáo được cấu thành bởi một tổng thể các tín tưởng: những người theo hồn linh giáo nghĩ rằng tự nhiên có được sinh khí là bởi các tinh linh nhiều vô kể và không nhìn thấy được; những người tin theo đa thần giáo tin có rất nhiều thần; những người nhất thần giáo chỉ tin một vị thần. Cổ nhiên, những người theo đa thần giáo, cũng như những người theo hồn linh giáo cũng thường tin vào một vị thần chính là nguồn gốc chủ yếu của mọi sáng tạo, và với điều đó, họ bắt gặp những người theo nhất thần giáo. Đối với tất cả mọi người, thần tính nằm ngoài thế giới “thường ngày”, thần tính là thiêng liêng, tức là thần tính gọi ra lòng kính trọng rất sâu sắc. Qua những vị thần của con người, những tín tưởng được truyền bá, bằng miệng hay bằng chữ viết, bằng tất cả những câu chuyện, những thần thoại, mà toàn bộ chúng hợp thành thần thoại học. Các thần thoại này rất khác nhau, nhưng một số trong những chuyện thần thoại ấy có mặt ở nhiều tôn giáo: thần thoại về lạc viên, thần thoại về sự sáng tạo đầu tiên của loài người, thần thoại về đại hồng thủy... Trong một số tôn giáo, các tín tưởng cho rằng Thượng đế truyền thẳng trực tiếp đến con người; đó là những tôn giáo “thần khải”.

Cũng có những người không tin vào sự tồn tại của Thượng đế cũng chẳng tin vào thần

tính: họ là những người vô thần, tức là những người không có “thần linh”. Số người khác lại cho rằng không thể biết được nguồn gốc của vũ trụ cũng như tương lai của vũ trụ: người ta gọi đấy là những người bất khả tri, dửng dưng với tín tưởng”.

Và: “Người ta gọi là “tín đồ” những người thực hành một tôn giáo, những người thực hiện giới luật. Trong số các tín đồ, rất nhiều người khẳng định mình thuộc về một tôn giáo, tuy nhiên lại không thực hiện những điều mà tôn giáo đó đòi hỏi: họ chỉ tín tưởng, song không thực hành. Trong thực tế, các tín đồ của mọi tôn giáo thực hiện các hành động nhất định, mà như họ tự xác định, được yêu cầu từ vị thần của mình. Sự thờ cúng là sự thực hiện lòng kính trọng đối với thần linh (hay các thần linh): sự thờ cúng bao gồm các nghi thức, tức là những cuộc lễ mang tính chất thiêng, những nghi thức đánh dấu những thời điểm khác nhau của cuộc sống hay của một năm, và những lời khẩn, là những lời cầu khẩn hay tạ ơn. Các nghi thức và lời khẩn có thể được sắp đặt theo những qui tắc nhất định, đấy là các hội lễ. Trong phần lớn các tôn giáo, có một số người chịu trách nhiệm lý giải các bản kinh và chăm lo thật tốt sự thờ cúng. Những người này, thường là những nhà tu hành đặc đạo nhất, tạo thành tập đoàn các nhà tu hành. Tuy thế, cũng tồn tại các tôn giáo không có tập đoàn các nhà tu hành, ở những tôn giáo ấy không có người trung gian giữa con người với thần linh (hay các thần linh) mà con người ta tin tưởng. Một số tín đồ nghĩ rằng có sự tồn tại của những lời nói hay hành động có tính huyền nhiệm, mà đi ngược lại với các lực lượng của tự nhiên, những lời nói và hành động ấy tạo ra những cái mà họ mong muốn. Người ta gọi đó là ma thuật, loại thực hành được sử dụng để đạt được việc chữa bệnh, đạt được việc biết rõ diềm lành, biết rõ tương lai hay biết rõ hành động xấu của kẻ thù địch... Đối với những người không tin vào ma thuật, thì các thực hành mang tính ma thuật bị coi như là một sự mê tín xằng bậy”⁶.

Nếu có gì đáng lưu ý thêm thì chỉ là có một sự chênh lệch về cách diễn đạt nội dung khái niệm mà đôi khi giữa ngôn ngữ phương Tây và phương Đông không hẳn hoàn toàn trùng khớp. Và cần khẳng định rằng không có những cái quen gọi là tín ngưỡng lại có thể tồn tại một

cách riêng lẻ, đơn lập mà không phụ thuộc trực tiếp hay gián tiếp vào một đời sống tâm linh nào đó, ở một tộc người nào đó.

Tình hình tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam chúng ta là một bằng chứng rất sống động cho lời giải thích hiện đại vừa nêu trên đây. Việt Nam là một quốc gia đa tộc người và đa tôn giáo: người ta có thể thấy các tôn giáo cùng tồn tại, từ những tôn giáo cổ xưa nhất mang tính bản địa, cho đến những tôn giáo lớn của thế giới và cả đến những tôn giáo chỉ hình thành mới đây. Nhìn xuyên suốt lịch sử, một mặt, các tôn giáo ở Việt Nam thường là cùng nhau song hành tồn tại, thỉnh thoảng mới có sự va đụng; mặt khác, cũng đã diễn ra quá trình các tôn giáo thâm nhập hòa trộn vào nhau, được chủ thể là các tộc người Việt Nam địa phương hóa, dân tộc hóa, bản địa hóa, cuối cùng là dung hóa để tạo ra một tinh thần "tôn giáo Việt Nam" không giống như các tộc người và quốc gia láng giềng hay xa hơn. Đây có thể coi là nét hàng xuyên của tôn giáo ở Việt Nam.

Nhưng cũng chính bắt nguồn từ tiến trình văn hóa và thực tiễn lịch sử Việt Nam, cho nên các tín ngưỡng tôn giáo đại chúng ở Việt Nam cũng có những hạn chế, trong đó có hai điểm chủ yếu sau đây: thứ nhất, với các tín ngưỡng tôn giáo có gốc gác bản địa, hoặc vốn là một thành phần còn sót lại của một hệ thống tôn giáo đã từng tồn tại trong lịch sử (Đạo giáo, Khổng giáo), thường thể hiện ra như các hệ thống tương đối thiếu tính qui củ vì tồn tại chủ yếu qua truyền khẩu và bị thất tán, khiếm khuyết, biến dạng qua thời gian; thứ hai, với các tôn giáo có gốc phương Tây, các ảnh hưởng bên ngoài đang ngày một gia tăng, song lại không được thẩm định, sàng lọc trên cơ sở một bản lĩnh, một tri thức rộng rãi và sâu sắc để định hướng, nên dễ sa vào một giáo điều và định kiến. Không hiếm các trường hợp phô trương màu mè, vô lối xảy ra từ phía các chức sắc tôn giáo lẫn phía người tín đồ hay người tin theo.

Cũng không ít những người lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để trục lợi cá nhân, coi đó như một phương tiện kiếm sống. Cũng không ít những hành vi mạo danh tôn giáo để vi phạm pháp luật và an ninh xã hội. Mặt khác, cũng cần thấy đó là các nguyên nhân bắt nguồn từ các quá trình xã hội, kinh tế, chính trị, an sinh xã hội đang được chuyển đổi hiện nay dự phần tạo ra

sự hỗn độn trong sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Thực thể, tâm lý muốn san bằng một cách giả tạo sự khác biệt giàu nghèo, sự bất trắc trong hoạt động hàng ngày và có thể cả phần lớn cuộc đời đã đẩy không ít người tin vào tín ngưỡng tôn giáo như là phương tiện cứu vớt duy nhất hiệu quả, tạo ra một ảo tưởng nếu có thờ thì có thiêng, không cần biết nội dung cần phải thực hành là gì, không tự mình cải tạo nội tâm của chính mình để tốt lên, hoàn thiện thêm. Hiện tại, nhiều người không hoàn toàn coi việc đi theo tôn giáo thì cần phải nghiêm túc với chính mình hơn, cần có tri thức hơn, cần nhận thức tôn giáo trên nền tảng của thành quả văn minh hiện đại của nhân loại, mà theo chúng tôi nền văn minh ấy rất năng động và biến đổi vô cùng mau lẹ. Nhưng nền văn minh hiện đại đó cũng đang trình ra một khía cạnh đi ngược lại với mục tiêu của nó là chủ nghĩa tiêu thụ vật chất quá đáng, kèm theo là các giá trị đạo đức đang khủng hoảng nghiêm trọng.

Chúng tôi nghĩ rằng cần phải xem đó như là hệ quả tiêu cực của diễn biến của đời sống tâm linh - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần được nghiên cứu và có giải pháp. Từ đây, cần nhìn nhận lại vai trò của các thể chế luật pháp và sự quản lý của nhà nước trong lĩnh vực tâm linh - tôn giáo.

Trên nguyên tắc, chúng ta chỉ chấp nhận những gì không xâm hại đến lợi ích chính trị và an ninh quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất quốc gia, chỉ chấp nhận những gì không phá hoại hạnh phúc gia đình và trật tự của xã hội. Chúng tôi nghĩ đó là những nguyên tắc căn bản mà không chỉ trong lĩnh vực tâm linh - tôn giáo.

VỀ LỄ HỘI GẮN VỚI TÔN GIÁO

Sau giải thích các khái niệm như trên, bây giờ là lúc chúng tôi xin bàn riêng về lễ hội gắn với tôn giáo ở Việt Nam.

Trước hết cần hiểu lễ hội ở Việt Nam hình thành trên nền tảng xã hội nào? Mô hình xã hội căn bản của người Việt Nam là mô hình: nhà - làng - vùng - nước. Ở các tộc người của Việt Nam cũng thấy có mô hình này. Trên mô hình căn bản đó, lễ hội gắn với tôn giáo sẽ bao gồm mấy loại hình sau đây:

- Trong nhà thì thờ cúng tổ tiên trực hệ (ông bà cha mẹ, và tổ của dòng tộc).

- Trong làng thì thờ cúng thành hoàng (một tập hợp các vị thần tự nhiên đã nhân cách hóa

cho đến những người khai sơn phá thạch lập làng, các vị tổ nghề, các vị đại khoa, các võ tướng đánh giặc giữ nước...).

- Trong vùng (hay liên - làng thì thờ chung một vị thần được triều đình sắc phong trông coi cả một vùng)

- Trong nước thì thờ chung một vị Quốc tổ, mà vị ấy thì đã rõ là Hùng Vương).

Đây cũng là mô hình lễ hội căn bản của đời sống tâm linh - tôn giáo Việt Nam, không chừa một tộc người nào. Nói cách khác, nếu ở đâu thấy lễ hội thì ở đó là tâm linh - tôn giáo Việt Nam và ngược lại, đời sống tâm linh - tôn giáo chỉ được thể hiện trong/qua lễ hội. Cho nên, nếu ai đó có ý định tìm hiểu tâm linh - tôn giáo Việt Nam nhất thiết phải tìm nó trong lễ hội.

Mặt khác, Việt Nam còn là mảnh đất của các tôn giáo lớn trên thế giới du nhập (Phật giáo, Đạo giáo, Khổng giáo, Công giáo, Tin lành, Islam giáo, Ấn giáo), nên ngoài các lễ hội theo mô hình xã hội căn bản đó, còn thấy các lễ hội gắn liền với các tôn giáo đó. Chủ thể của các lễ hội tôn giáo này là các tộc người ở Việt Nam.

Khuôn khổ của bài tạp chí không cho phép triển khai quá sâu vào từng lễ hội của các tôn giáo lớn này, song có thể khẳng định chúng đã trở thành một phần của văn hóa Việt Nam trong quá khứ và hiện tại./.

N.Q.T

Chú thích:

1- Thí dụ như chính khái niệm "tôn giáo" (religion) chẳng hạn, không có một quốc gia nào thuộc thế giới phương Đông lại có từ nào giống như nó ở châu Âu thế kỷ XIX. Chính người Tây phương cũng đã nhận thấy độ chênh giữa cách hiểu của họ đối với các nước Đông phương. Bằng chứng là đã có nhiều tác giả Tây phương đã không sử dụng từ tôn giáo, mà dùng từ tâm linh (spirit) để nói về các tộc người ngoài châu Âu.

2- Ngưỡng trong *Hán - Việt tự điển* của Thiều Chửu có mấy nghĩa sau:

- Ngừa, ngừa mặt lên gọi là "ngưỡng";

- Kính mền, như "cửu ngưỡng đại danh" - lâu nay kính mền cái danh lớn.;

- Lờn kê trên sai kê dưới, trong từ trát nhà quan thường dùng;

- Nhà Phật cho những kẻ kiếm ăn bằng nghề xem thiên văn là "ngưỡng khẩu thực".

3- Muốn rõ hơn điểm này, xin xem ít nhất Yves Lambert, "Tháp "Babel" những định nghĩa tôn giáo", trong *Về tôn giáo*, t. 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 115-163. Trong đó, tác giả, một giáo sư xã hội học tôn giáo có tiếng của Cao đẳng Thực hành Paris, Sorbonne, cho rằng: các định nghĩa về khái niệm tôn giáo khác nhau tới mức giống như tháp Babel trong kinh thánh Kitô giáo.

4- Trong một bài tham luận tại cuộc hội thảo do Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở tổ chức vào tháng 10/1998 nhan đề "Về mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc và tôn giáo ngoại sinh", sau đó đã có một cuốn sách nhan đề *Tín ngưỡng và mê tín* ra đời, trong đó, chúng tôi đã đề nghị không dùng thuật ngữ tín ngưỡng mà thay vào đó là thuật ngữ tín tưởng. Tuy nhiên, để giữ một thói quen sử dụng, chúng tôi thỉnh thoảng vẫn dùng thuật ngữ tín ngưỡng song song với thuật ngữ tín tưởng trong bài này. Vì sao lại đề nghị thay đổi thuật ngữ thì chúng tôi đã có giải thích, xin không nhắc lại ở đây.

5- Xem: Émile Durkheim, *Les formes élémentaire de la vie religieuse*, http://classiques.uqac.ca/classiques/Durkheim_emile/formes_vie_religieuse/formes_elementaires_1.pdf. Ở phần IV, ông viết: "Nous arrivons donc à la définition suivante : Une religion est un système solidaire de croyances et de Pratiques relatives à des choses sacrées, c'est-à-dire séparées, interdites, croyances et pratiques qui unissent en une même communauté morale, appelée Église, tous ceux qui y adhèrent".

6- Xem: *Encyclopédie des Jeunes*, Les Religions du Monde, Larousse, Paris, 1995, tr. 6 - 7. Trong đoạn trích dẫn trên đây có những thuật ngữ mà chúng tôi cũng đã đề nghị chuyển ngữ trong bài tham luận đã nói ở trên rồi.

Nguyễn Quốc Tuấn: *Re-thinking on Traditional Festivals from Religious Studies' Perspectives*

In this paper, from theories of many international researchers, the author would like to provide the perspectives of religious studies into traditional festivals with more academic notions and comprehensiveness, as well as re-adjust some mistake understanding in this field. Since the author puts it into Vietnamese traditional festivals to find some basic reasons of the issue.